

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH (B2)

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên		Nghe (thang điểm 20)	Nói (thang điểm 25)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
1	01	1581410236	Nguyễn Hoàng	Sơn	6.5	0.0	6.5	18.0	31.0	
2	02	1581110023	Hoàng Sơn	Lâm	3.5	17.0	19.0	22.0	61.5	
3	03	1581110051	Nguyễn Chí	Trung	3.5	18.8	17.5	19.0	58.8	
4	04	1581420022	Đỗ Văn	Huy	2.0	0.0	9.0	0.0	11.0	
5	05	1581420027	Hà Duy	Linh	6.0	0.0	9.5	0.0	15.5	
6	06	1581420004	Nguyễn Tuấn	Biên	7.5	15.5	14.0	19.5	56.5	
7	07	1581110004	Phạm Minh	Chiến	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
8	08	1581110003	Trịnh Ngọc	Bắc	2.0	0.0	9.5	0.0	11.5	
9	09	1581410209	Đinh Minh	Đức	8.8	11.5	7.0	8.0	35.3	
10	10	1581420114	Lê Viết Tùng	Dương	2.5	6.5	7.0	0.0	16.0	
11	11	1581420018	Trần Huy	Hoàng	6.5	12.0	15.0	14.0	47.5	
12	12	1581210036	Nguyễn Thượng	Vỹ	5.5	15.5	17.5	19.5	58.0	
13	13	1581420028	Lê Thị Ngọc	Linh	0.0	0.0	9.0	0.0	9.0	
14	14	1581320006	Vũ Việt	Anh	0.0	0.0	11.5	0.0	11.5	
15	15	1581320005	Vũ Quang	Anh	0.0	0.0	11.5	0.0	11.5	
16	16	1581910015	Phạm Ngọc	Hiếu	2.0	0.0	11.5	0.0	13.5	
17	17	1581960021	Hà Lê	Huy	8.0	12.5	9.5	19.5	49.5	
18	18	1581640020	Phạm Viết	Khánh	2.0	0.0	9.0	4.0	15.0	

19	19	1581410145	Vũ Tiến	Thành	2.0	6.5	10.0	0.0	18.5	
20	20	1581210016	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	1.5	12.5	15.5	21.5	51.0	
21	21	1581410123	Vũ Hoàng	Khánh	5.5	13.0	8.0	12.0	38.5	
22	22	1581110009	Mạc Quốc	Đạt	3.5	0.0	14.0	7.0	24.5	
23	23	1581810030	Phạm Thị Thu	Thủy	5.5	12.5	14.0	20.5	52.5	
24	24	1581710153	Trần Quốc	Anh	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

Điều kiện để được công nhận Năng lực Tiếng Anh tương đương B2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu:

1. Tổng điểm đạt: 60/100.
2. Kỹ năng đọc tối thiểu 10/30, Kỹ năng nghe tối thiểu 7/20, Kỹ năng viết tối thiểu 8/25, Kỹ năng nói tối thiểu 8/25

THƯ KÝ HĐ



DOÃN THANH BÌNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
ĐIỆN LỰC



TS. TRƯƠNG HUY HOÀNG